

Bản án số: 44/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 19/6/2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1177/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08/5/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST – HNGĐ ngày 01/6/2020, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1985; thường trú: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh H; tạm trú: 4/26 khu phố N, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1986; thường trú: Thôn 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Y; tạm trú: 9/8 khu phố N, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Đức L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Y. Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đỗ Văn G trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Y ngày 18/7/2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số

18, Quyền số 01-2009 ). Sau khi kết hôn anh G và chị D cùng sinh sống và làm việc tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Thực tế đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Nay anh G xác định không còn tình cảm với chị D nên yêu cầu ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Hoàng N, sinh ngày 04/5/2010. Hiện nay cháu N đang sống cùng ông bà ngoại tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Y. Do đó, khi ly hôn, anh G đồng ý giao con chung cho chị Lê Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 anh G không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 01/6/2020 anh G đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh Đỗ Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn chị Lê Thị D:* Quá trình tố tụng, chị Lê Thị D đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/3/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 08/5/2020; ngày 01/6/2020 và ngày 22/6/2020, tuy nhiên chị D vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh G.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức L và bà Nguyễn Thị D1 có đơn xin vắng mặt nhưng lời khai trong quá trình tố tụng đã trình bày:*

Ông Lê Đức L và bà Nguyễn Thị D1 là cha mẹ của chị Lê Thị D. Chị D kết hôn với anh Đỗ Văn G vào năm 2009 và hai người có 01 người con chung là cháu Đỗ Lê Hoàng N, sinh ngày 04/5/2010. Từ khi cháu N sinh ra ở cùng mẹ là chị D và gia đình ông bà tại Tổ dân phố số 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Y. Anh G chồng chị D đi làm ăn ở Miền Nam từ khi cháu N được 01 tháng tuổi đến nay, không về thăm cháu lần nào. Tháng 9/2019, chị D đi vào Miền nam để làm ăn và tìm anh G, tạm giao cháu N cho ông bà chăm sóc. Hàng tháng chị D đều gửi tiền về để nuôi con và khoảng 3,4 tháng về thăm con 01 lần. Nay anh G có đơn yêu cầu ly hôn với chị D và có nguyện vọng giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng thì ông bà cũng thống nhất vì hiện nay cháu N đang học lớp 4 tại trường Tiểu học số 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Y. Trường hợp chị D nuôi con thì ông bà cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy cháu N thay chị D để chị D yên tâm đi làm và để cháu N được nuôi dưỡng tốt, không làm gián đoạn việc học. Đối với thời gian ông bà chăm sóc cháu N thay cho vợ chồng anh G thì ông bà không có yêu cầu gì khác.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ phường B, thành phố Dĩ An thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường B không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

- Kết quả xác minh tại Công an phường B thể hiện: Đương sự Lê Thị D có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 9/8 khu phố N, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân, anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh G và chị D là trầm trọng, anh G có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, hiện nay cháu Đỗ Lê Hoàng N đang sống cùng ông bà ngoại và do chị D chu cấp chi phí nuôi con. Đồng thời tại bản tự khai ngày 20/3/2020 của cháu N, biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Y đối với cháu N thì cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và ông bà ngoại, do đó khi ly hôn anh G có đề nghị tiếp tục giao cháu Đỗ Lê Hoàng N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Chị D vắng mặt, không trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con và việc cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Anh Đỗ Văn G khởi kiện chị Lê Thị D yêu cầu được ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường B thể hiện: Đương sự Lê Thị D có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 9/8 khu phố N, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Lê Thị D để tham gia phiên tòa vào các ngày 08/5/2020, ngày 01/6/2020 và ngày 22/6/2020 nhưng chị D vắng mặt không rõ lý do. Ngày 07/5/2020 nguyên đơn anh Đỗ Văn G nộp đơn từ chối hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức L và bà Nguyễn Thị D1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh G, chị D, ông L và bà D1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Y vào ngày 18/7/2009 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, Quyển số 01 - 2009) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh G xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2010 nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu

cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập chị Lê Thị D đến làm việc nhưng chị D đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, chị D cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa chị và anh G nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của anh G và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Đỗ Văn G yêu cầu được ly hôn với chị D là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Hoàng N, sinh ngày 04/5/2010. Hiện nay cháu N đang sống cùng ông bà ngoại tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Y nên khi ly hôn anh G tiếp tục giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 đối với ông bà ngoại của cháu N là ông Lê Đức L và bà Nguyễn Thị D1 xác nhận: Kể từ thời điểm cháu Đỗ Lê Hoàng N được 01 tháng tuổi đến nay thì anh G không về thăm cháu lần nào, cháu được chị D và ông bà ngoại chăm sóc. Cháu N đã sinh sống cùng gia đình ông bà ngoại và chị D từ năm 2010 đến nay. Cháu N được mẹ và ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Khoảng tháng 9/2019 chị D đi vào miền nam làm ăn, tạm giao cháu cho ông bà chăm sóc, hàng tháng chị D gửi tiền về cho cháu ăn học, thi thoảng có về thăm cháu. Hiện nay cháu N đang học lớp 4 tại trường Tiểu học số 1 thị trấn C, huyện T, tỉnh Y. Khi ly hôn anh G có yêu cầu giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng thì ông bà cũng đồng ý hỗ trợ chị D chăm sóc cháu N. Tại bản tự khai ngày 20/3/2020 của cháu N, biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Y đối với cháu N thì cháu cũng đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và ông bà ngoại. Chị D vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của anh G. Do đó, cần giao con chung tên Đỗ Lê Hoàng N cho chị Lê Thị D tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cũng như không làm xáo trộn đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của cháu N là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 01/6/2020 anh G đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị D vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của anh G. Xét việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Do đó, vì quyền lợi của cháu N nên việc anh G nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đỗ Văn G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí: Anh Đỗ Văn G phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn G được ly hôn với chị Lê Thị D (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, Quyền số 01 – 2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Y vào ngày 18/7/2009 ).

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗ Lê Hoàng N, sinh ngày 04/5/2010 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn G và chị Lê Thị D đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0039799 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Đỗ Văn G còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Y;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**